TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 959/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 268/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Bùi Hữu Nhật H, sinh năm 1981.

Căn cước công dân: ********** do Cục trưởng Cục C cấp ngày 07/03/2023.

Địa chỉ thường trú: 2 L phường P, Thành phố H (phường Đ, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên - Huế cũ)

- Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1981.

Căn cước công dân: ********** do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 06/8/2023.

Địa chỉ thường trú: E P, phường A (phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Bùi Hữu Nhật H và bà Nguyễn Hồng N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường T, quận G (nay là Ủy ban nhân dân phường T) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/3/2011.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 21/7/2025; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/9/2025; ông Bùi Hữu Nhật H và bà Nguyễn

Hồng N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Ông H và bà N thỏa thuận giao 2 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giao 02 con chung tên Bùi Hữu Anh K, sinh ngày 11/8/2012 và Bùi Hữu Mai H1 sinh ngày 12/10/2016 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H và bà N tự thỏa thuận không yêu cầu ông H cấp dưỡng; về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Bùi Hữu Nhật H và bà Nguyễn Hồng N tự nguyện ly hôn và thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 19/9/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Hữu Nhật H và bà Nguyễn Hồng N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường T, quận G (nay là Ủy ban nhân dân phường T) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/3/2011 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Hữu Anh K, sinh ngày 11/8/2012 và Bùi Hữu Mai H1, sinh ngày 12/10/2016. Ông H và bà N thỏa thuận giao con chung là cháu K và cháu H1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H và bà N tự thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng.

Ông Bùi Hữu Nhật H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà N, ông H chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006645 ngày 31/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Bùi Hữu Nhật H và bà Nguyễn Hồng N đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 7 – Tp.HCM;
- Thi hành án Dân sự Tp.HCM;
- UBND phường T H (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2011 ngày 26/3/2011);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Thảo